Góc nhìn mới về Phật giáo Đông Á tại Nam Phi

ISSN: 2734-9195 16:41 03/07/2026

Tương lai vẫn là một ẩn số để phân định xem các biểu hiện đơn lẻ này có thể kích hoạt một tiến trình “Nam Phi hóa” thực chất cho đạo Phật Đông Á tại lục địa đen hay không.

Tóm tắt

Bài báo này kế thừa và mở rộng hệ thống lý thuyết của Giáo sư Michel Clasquin-Johnson (Đại học Nam Phi), chuyên gia hàng đầu về Phật học tại châu Phi. Dựa trên 6 chủ đề nền tảng của ông gồm: thực hành cư sĩ, bình đẳng giới, gắn kết dân chủ, ảnh hưởng của tâm lý học phương Tây, dấn thân xã hội và kiến tạo truyền thống phi tông phái, tác giả đi sâu khám phá ba hình thái Phật giáo Đông Á tiêu biểu tại quốc gia này.

*Đầu tiên là Dharma Centre (Trung tâm thiền **Phật giáo Hàn Quốc**) - một đại diện chính lưu đã bản địa hóa mạnh mẽ để hòa hợp với di sản châu Phi. Tiếp theo là hai phong trào tôn giáo mới có quy mô toàn cầu: Soka Gakkai Quốc tế (Nhật Liên tông Nhật Bản) và Phật Quang Sơn (Thiền/Tịnh Độ Trung Hoa) - những tổ chức đang thu hút cộng đồng cư dân bản địa vô cùng đa dạng.*

Không chỉ dừng lại ở việc phân tích các trường hợp cụ thể, bài báo còn thử nghiệm tính ứng dụng từ lý thuyết của Clasquin-Johnson, đồng thời đề xuất thêm 4 chủ đề mới nhằm mở rộng chiều sâu cho các nghiên cứu so sánh về Phật giáo Nam Phi: tương tác với tôn giáo bản địa, truyền giáo, lai tạp hóa và lời hứa về lợi ích thế tục.

Lời mở đầu

Nhiều khả năng, hạt mầm Bồ đề, hoa Bát nhã Phật giáo đầu tiên được gieo xuống Nam Phi bởi cộng đồng thủy thủ Trung Hoa đông đảo làm việc tại Thuộc địa Cape, dưới thời cai trị của Công ty Đông Ấn Hà Lan. Bước sang đầu thế kỷ XX, làn sóng này tiếp tục được nối dài bởi hàng ngàn phu mỏ Trung Hoa tại Witwatersrand, cùng một nhóm nhỏ công nhân Ấn Độ thuộc Hiệp hội Phật giáo Natal ở Durban (Wratten 1995, 168-185). Dù vậy, những dấu ấn tâm linh thuở

sơ khai này chỉ mang tính cục bộ của các nhóm thiểu số, chưa đủ mạnh để để lại tác động lâu dài lên bức tranh tôn giáo bản địa.

Phải đợi nhiều năm sau đó, đạo Phật mới thực sự cắm rễ sâu tại quốc gia này, khi các hình thái thực hành mang tính hiện đại hóa chính thức được du nhập vào cuối những năm 1960.

Thời điểm đó, dưới ảnh hưởng của làn sóng **Phật giáo phương Tây**, các nhánh Phật giáo Tây Tạng, Phật giáo Nguyên thủy (Theravāda) và Thiền tông bắt đầu được một số nhóm cộng đồng tiếp nhận.

Năm 1980, Louis van Loon - một kiến trúc sư, kỹ sư kiêm giảng viên triết học phương Đông gốc Hà Lan - đã tiên phong khánh thành Trung tâm Ẩn tu Phật giáo tại Ixopo (gần Durban), chuyên sâu về thiền định Nguyên thủy. Đến năm 1982, hành trình này tiếp tục được nối dài khi Rob Nairn, một nhà hoằng pháp kiêm tác giả nổi tiếng người Nam Phi, thành lập trung tâm ẩn tu thuộc dòng Kagyu (Cát-cử-phái) tại vùng Eastern Cape.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Cũng trong giai đoạn này, hai thiền sư uy tín Heila và Rodney Downey đã sáng lập Trung tâm Phật pháp tại Western Cape. Nơi đây ban đầu thúc đẩy phương pháp thực hành Thiền tông của Philip Kapleau - một lối tiếp cận mang tính thực tiễn được cải biên để phù hợp với người phương Tây - và sau đó chuyển hướng sang **thiền phái Tào Khê** của Phật giáo Hàn Quốc.

Từ cuối thập niên 1980, cả hai phong cách thiền này cũng được giảng dạy tại Poplar Grove - một trang trại chăn cừu nhỏ thuộc vùng bán hoang mạc Karoo.

Đây là nơi sinh sống và điều hành các khóa tu tập của cựu luật sư nhân quyền kiêm thiền sư Antony Osler và vợ ông, bà Margie.

Hiện nay, bức tranh Phật giáo Nam Phi vô cùng đa dạng với sự hiện diện của nhiều truyền thống lớn: Phật giáo Tây Tạng (tông phái Kagyu và Gelug), Phật giáo Nguyên thủy (hệ phái phương Tây hóa và Myanmar), Thiền tông Nhật Bản, cùng Thiền phái Tào Khê Hàn Quốc. Bên cạnh đó, quốc gia này còn thu hút các phong trào tôn giáo mới có nguồn gốc từ Đông Á, nổi bật là Hiệp hội Soka Gakkai Quốc tế, cùng hai tổ chức nhân đạo quy mô toàn cầu của Đài Loan là Phật Quang Sơn (do Đại sư Tinh Vân thành lập năm 1967) và Hiệp hội Từ Tế (do Ni trưởng Chứng Nghiêm sáng lập).

Các tổ chức Phật giáo này hiện đang hoạt động trong một bối cảnh tâm linh bị chi phối mạnh mẽ bởi các nhà thờ Độc lập châu Phi và phong trào Ngũ Tuần. Ở phạm vi hẹp hơn là sức ảnh hưởng từ Giáo hội Công giáo Rôma cùng các giáo phái Tin Lành sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Afrikaans. Trong khi đó, hai nhóm tôn giáo thiểu số lớn nhất tại đây là Hồi giáo (chiếm khoảng 2%) và Ấn Độ giáo (khoảng 1%). Dù thiếu các số liệu thống kê chính thức, số lượng Phật tử tại Nam Phi ước tính đạt khoảng vài nghìn người, với phần lớn trong số họ là người bản địa hoặc gốc Âu chứ không phải người gốc Á (đối chiếu Schoeman 2017, 2).

1. TS. Michel Clasquin-Johnson - cựu Giáo sư ngành **Nghiên cứu** Tôn giáo tại UNISA và là một trong những học giả hàng đầu về Phật giáo châu Phi - nhận định rằng Phật giáo Nam Phi phần lớn tuân theo mô hình phân loại của Baumann. Dù ghi nhận một vài ngoại lệ đáng chú ý như các cộng đồng *"Phật tử sắc tộc"* gốc Ấn, Miến Điện, Trung Quốc, hay Hiệp hội Soka Gakkai Quốc tế - "*nhóm duy nhất thu hút được một số lượng đáng kể thành viên da đen"*, ông vẫn thẳng thắn lập luận: *"Những gì chúng ta tìm thấy ở quốc gia này là một nền Phật giáo mang tính phương Tây áp đảo"*. Do chủ yếu được thực hành bởi những người da trắng thuộc tầng lớp trung lưu, thực trạng này đã đặt ra một câu hỏi mang tính sinh tồn: *"Liệu Phật giáo có thể thích ứng và giải quyết được sự tồn tại của chính mình trong bối cảnh châu Phi hay không?"* (Clasquin 1999, 90, 97; 2002, 161).

The Dharma Centre

Trong phần tiếp theo, dựa trên hệ thống lý thuyết của học giả Michel Clasquin-Johnson (Đại học Nam Phi), bài viết sẽ đi sâu phân tích ba hình thái Phật giáo Đông Á đang hoạt động tại đây.

Đầu tiên là Dharma Centre (Thiền phái Tào Khê Hàn Quốc) - đại diện tiêu biểu cho dòng Phật giáo Nam Phi chủ lưu. Kế đến là hai nhánh địa phương thuộc các

phong trào tôn giáo mới có mạng lưới quốc tế rộng lớn: Hiệp hội Soka Gakkai Quốc tế (Nhật Liên tông Nhật Bản) và Phật Quang Sơn (Tịnh Độ tông và Thiền tông Trung Hoa). Đây là những tổ chức không chỉ quy tụ phần lớn Phật tử có mối liên hệ với Đông Á, mà còn thu hút được một cộng đồng cư dân Nam Phi vô cùng đa dạng.

Tiến trình phân tích sẽ bắt đầu bằng cái nhìn tổng quan về từng tổ chức, sau đó tiến hành đối chiếu nhằm kiểm định tính khả thi của 6 chủ đề nền tảng do Clasquin-Johnson đề xuất. Đặc biệt, để mở rộng khuôn khổ lý thuyết này, tác giả sẽ giới thiệu và khảo sát thêm 4 chiều kích mới phục vụ cho việc nghiên cứu so sánh Phật giáo Đông Á tại Nam Phi bao gồm: tương tác với tôn giáo bản địa, phương thức truyền giáo, tính lai tạp, và lời hứa về những lợi ích thế gian.

Ra đời vào năm 1981 tại vùng Somerset West thuộc Cape Town, Trung tâm Dharma qua dòng thời gian đã khẳng định vị thế như một *"tổ chức nền tảng Thiền định hàng đầu"* tại Nam Phi (Clasquin Citation2002, 156). Đồng sáng lập thiền đường tâm linh này là cặp vợ chồng Heila và Rodney Downey. Trước khi rẽ lối vào năm 1990, họ từng có nhiều năm tầm sư học đạo dưới sự dẫn dắt của Philip Kapleau (1912-2004) - một trong những bậc Thiền sư phương Tây đầu tiên đặt nền móng cho dòng chảy Thiền học tại Rochester, New York.

Bước ngoặt lớn đến khi họ hạnh ngộ những lời dạy của Thiền sư Sùng Sơn (1927-2004), bậc đại tông sư Hàn Quốc vĩ đại bậc nhất thế kỷ XX, người đã có công gieo mầm **Thiền tông** (Zen) vào lòng đất phương Tây thông qua Trường Thiền Kwan Um (thành lập năm 1983 tại Hoa Kỳ).

Mùa xuân năm 1996 đánh dấu nấc thang chứng ngộ của Thiền sư Heila Downey. Tại thiền viện quốc tế danh tiếng này, bà đã hoàn thành xuất sắc công phu tu tập và thực hành công án dưới sự chỉ dạy trực tiếp của Thiền sư Sùng Sơn. Công án vốn là tâm pháp đặc trưng của Thiền tông - nơi hành giả buông bỏ mọi lý trí, suy luận logic để định tâm vào những công án nghịch lý của lịch đại Tổ sư. Chính trong sự tĩnh lặng tuyệt đối ấy, dòng ý thức phân biệt bị chặn đứng, mở đường cho hành giả trực nhận tự tánh và chạm vào bến bờ giác ngộ. Nhờ sự chứng tri này, bà chính thức nhận "truyền đăng" (inga) cùng danh hiệu "Bậc thầy Truyền pháp", trong khi người bạn đời Rodney Downey trở thành "Giảng sư Chính pháp Cao cấp" kiêm Viện trưởng Trung tâm Dharma.

Triết lý tâm truyền của Thiền sư Sùng Sơn thấm đẫm tinh túy của dòng Thiền Tổ sư, nơi cốt lõi nằm ở việc nuôi dưỡng "nghi tình" - trạng thái của một "tâm không biết", trống rỗng và phi phân biệt. Trạng thái tuyệt diệu này là chiếc búa đập tan xiềng xích của thói quen suy nghĩ và chấp trước của lý trí, kết tinh qua bốn trụ cột thực hành: tọa thiền, tham công án, tụng kinh và lễ bái.

Dù gánh vác sứ mệnh là vị Tổ sư thứ 78 của một dòng truyền thừa liên tục, vị thiền sư xứ Cao Ly vẫn thổi vào truyền thống một luồng gió tân kỳ. Ngài đã kiến tạo phương pháp thực hành công án "từng bước một", thiết lập hệ thống giảng sư tại gia độc đáo, đồng thời hòa quyện nghi thức 108 lạy đầy thành kính của **Phật giáo Hàn Quốc** vào đời sống tu học (Jang Citation2014, 39-43; Mu Citation1998, 122). Sự dung hợp này đã biến ngôi trường tại Bắc Mỹ của ông trở thành một thực thể đại diện cho phong trào Phật giáo hiện đại lẫn Phật giáo phương Tây, hoàn toàn xứng đáng được định danh như một biểu tượng rực rỡ của các phong trào tôn giáo mới.

Dù chính thức rẽ lối để trở thành một thực thể độc lập vào năm 2007, Trung tâm Dharma vẫn thủy chung gìn giữ hồn cốt và phong cách tu học của Trường Thiền Kwan Um. Tinh thần ấy được thắp sáng đồng bộ từ trụ sở chính - vốn được dịch chuyển về vùng Robertson thơ mộng thuộc Cape Winelands vào năm 1995 - cho đến các chi nhánh địa phương tại Cape Town, Knysna và Stanford.

Trong các buổi thiền tập hàng tuần kéo dài khoảng 90 phút, không gian tâm linh được cộng hưởng bởi những thanh âm trầm hùng của nghi thức tụng kinh. Đó là sự hòa quyện giữa cổ đại và hiện đại, khi các bài kinh tiếng Hàn như Kinh thỉnh chuông u minh, Quy y Tam bảo, Tâm kinh, Chú Đại Bi được ngân vang đan xen cùng bản Bát Nhã Tâm kinh bằng Anh ngữ, kết hợp hài hòa với các thời khắc tọa thiền và kinh hành trong chính niệm.

Sự nghiêm cẩn của dòng thiền được đẩy lên cao nhất trong các khóa tu chuyên sâu. Điển hình là khóa im lặng "7 ngày Thiền chuyên sâu" diễn ra tại Robertson dưới sự hộ trì của hai thiền sư Heila và Rodney Downey. Chu trình thanh lọc thân tâm này bắt đầu từ 5 giờ sáng với 108 cái lạy phủ phục đầy thành kính. Tiếp đó là dòng chảy liên tục của hai buổi tụng kinh, bốn thời tọa thiền kết hợp kinh hành, và các giờ thiền lao tác đầy tỉnh thức. Khi màn đêm buông xuống vào khoảng 8 giờ 30 tối, khóa tu khép lại trong tầng tâm thức thiêng liêng khi đại chúng đồng thanh phát nguyện qua bài "Tứ Hoằng Thệ Nguyện" của bậc Bồ Tát.

Bên cạnh đó, các khóa tu ngắn ngày cũng được linh hoạt tổ chức tại Robertson và các chi nhánh, nơi thiền định đôi khi được kết hợp tài tình cùng yoga để xoa dịu thân tâm. Dù chỉ duy trì một nhóm nhỏ thành viên nòng cốt gắn bó mật thiết, Trung tâm Dharma vẫn là điểm tựa tinh thần cho một cộng đồng rộng lớn hơn gồm vài trăm hành giả - phần lớn là người Nam Phi da trắng thuộc tầng lớp trung lưu. Họ là những lữ khách tâm linh, tuy tham gia không thường xuyên nhưng vẫn luôn duy trì sợi dây kết nối bền chặt với ngôi nhà đạo vị này qua các hoạt động và khóa tu trải dài suốt năm.

Pháp môn tu học theo dòng Thiền Tào Khê (Phật giáo Hàn Quốc) tại tổ chức này thấm đẫm các giá trị đạo đức nhân sinh. Tinh thần ấy cốt tủy hóa trong tập Hướng dẫn của Trung tâm Dharma thuộc Sách Tụng niệm chính thức, nơi các quy chuẩn hành vi được định hình vi tế qua ba trụ cột: "Giữ Tâm Bồ Đề", "Hành vi" và "Lời nói" (The Dharma Centre Citation2002). Sự tôn nghiêm trong giới luật này phản ánh trọn vẹn tuệ giác của Thiền sư Sùng Sơn về việc nuôi dưỡng "nghi tình" - trạng thái của một _tâm không biết, trống rỗng và phi phân biệt. Đó không phải là sự vô cảm tịch diệt, mà là sự mở lòng vô điều kiện trước mọi hiện tượng thực tại trong từng khoảnh khắc hiện tiền. Chính từ mảnh đất "tâm không" ấy, hành giả mới có thể soi thấu vạn pháp bằng trực giác thuần khiết, từ đó dấn thân hành động bằng lòng từ bi và trí tuệ tự tánh để mang lại lợi ích cho thảy chúng sinh (Kwan Um School of Zen Citation2018).

Đồng điệu với tư tưởng ấy, Thiền sư Heila Downey khẳng định chính niệm và tâm từ ái vốn là hai mặt của một thực thể bất khả phân ly. Bà kiến giải rằng: *"Càng đi sâu vào chính niệm, năng lượng từ ái trong ta sẽ càng hiển lộ một cách tự nhiên. Khi ấy, ta sẽ thấu suốt nhân quả từ mỗi hành vi của chính mình, và dung lượng trái tim tự khắc rộng mở"* (Ross Citation2018).

Sự kết tinh giữa tuệ giác thiền định và tinh thần nhập thế này không dừng lại ở lý thuyết, mà đã được hiện thực hóa qua các hoạt động xã hội mang tính tiên phong. Tiêu biểu là *Chương trình Hành động Nhận thức Chính niệm* được khởi xướng vào năm 1998, mang ánh sáng tỉnh thức vào chốn lao tù để chuyển hóa các tội nhân, cùng với hoạt động gieo mầm thiền định vào không gian học thuật cho sinh viên tại Đại học Cape Town.

SGI South Africa

Được khai sinh vào năm 1975, Soka Gakkai International (SGI) đóng vai trò là tổ chức bảo trợ toàn cầu cho các hoạt động của Sōka Gakkai ("Hội Sáng tạo Giá trị") - một phong trào tôn giáo mới đầy tầm ảnh hưởng đến từ Nhật Bản. Linh hồn của vương quốc tâm linh này là vị Chủ tịch thứ ba, Daisaku Ikeda (1928–2023), người đã gánh vác con thuyền đại chúng cho đến năm 1979. Khởi nguồn từ những năm 1930 như một nhánh cư sĩ của tông phái Nichiren Shōshū (Nhật Liên Chính Tông), phong trào này đã chứng kiến sự trỗi dậy thần kỳ trong giai đoạn hậu chiến. Sức mạnh bùng nổ ấy bắt nguồn từ chiến dịch cải đạo kiên quyết mang tên shakubuku (Chiết phục) do vị Chủ tịch thứ hai Jōsei Toda (1900-1958) phát động. Không chỉ dừng lại ở biên giới tâm linh, Sōka Gakkai đã tạo ra một cơn địa chấn chính trị vào năm 1964 khi thành lập Đảng Kōmeitō (đảng Công Minh). Mối liên kết vô hình này vẫn được duy trì bền chặt bất chấp tuyên bố tách biệt thể chế vào năm 1970. Kể từ sau biến cố bị Nichiren Shōshū trục

xuất vào năm 1991, Sōka Gakkai chính thức bước đi trên con đường độc lập, quy tụ một khối đại đoàn kết khổng lồ với hơn 10 triệu thành viên, lan tỏa vi tế qua các trung tâm SGI tại khoảng 200 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Hạt nhân tư tưởng của Sōka Gakkai kết tinh từ những lời diễn giải sâu sắc về Kinh Pháp Hoa của Thánh nhân Nhật Liên (Nichiren, 1222-1282). Đời sống tâm linh của các hành giả được duy trì qua các công phu tu tập nghiêm cẩn: trì tụng daimoku - mật ngữ thiêng liêng Nam-myōhō-renge-kyō (“Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”); thực hành thời khóa gongyō (Cần hành) bằng tiếng Nhật trong thế hướng về gohonzon (Ngự Bản Tôn - bức cuộn thư pháp tôn nghiêm); tư duy sâu sắc hệ thống triết học Gosho (Ngự thư) qua lăng kính tuệ giác của minh sư Ikeda; và cùng hòa mình vào các buổi zadankai (họp thảo luận) đầy ấm áp đạo tình (McLaughlin Citation2018, 1-67).



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Tất cả các thực hành diệu dụng này đều hướng đến một cứu cánh duy nhất: khai mở phật tính tối thượng ẩn tàng trong mỗi cá nhân, tạo tiền đề cho một cuộc "cách mạng nhân sinh" vĩ đại chuyển dịch từ chiều sâu nội tâm ra đến sự thay đổi toàn diện cục diện xã hội. Với tư cách là một tổ chức phi chính phủ (NGO) được Liên Hợp Quốc công nhận, SGI đã khẳng định sứ mệnh nhập thế thông qua các chiến dịch giáo dục, gây quỹ và vận động hành lang mang quy mô toàn cầu, đặc biệt tôn vinh ba giá trị cốt lõi: hòa bình, nhân quyền và sinh thái (Clarke Citation2000, 280-287; Métraux Citation2010, 423-426). Chính tinh thần dấn thân xã hội quả cảm, kết hợp cùng một hệ thống đạo đức kiên định và thái độ phản biện sắc sảo trước làn sóng văn hóa đương đại, đã đưa Phật giáo

Nhật Liên của SGI trở thành một biểu tượng rực rỡ, định hình nên diện mạo của chủ nghĩa Phật giáo hiện đại ngày nay (McMahan Citation2009, 265).

Ngọn hải đăng Phật giáo SGI lần đầu tiên soi rọi đến vùng đất Nam Phi vào đầu thập niên 1980, thông qua công phu gieo mầm âm thầm của một nhóm hành giả tự tu học, trong đó có cả những kiều dân Nhật Bản và Anh quốc. Suốt hai thập kỷ sau đó, cộng đồng non trẻ này hoạt động như một phân hội trực thuộc SGI Vương quốc Anh. Bước ngoặt lịch sử diễn ra vào năm 2001, khi SGI Nam Phi (SGI-SA) chính thức được trụ sở chính tại Nhật Bản công nhận là một chi nhánh độc lập, đồng thời đăng ký pháp lý tư cách tổ chức phi lợi nhuận theo hiến pháp nước sở tại (SGI South Africa Citation2012).

Kể từ thời khắc định hình ấy, SGI-SA được chèo lái dưới sự dẫn dắt đầy bản lĩnh của Loren Braithwaite - nữ luật sư người Mỹ gốc Phi. Bà vốn là một lữ khách lập thân, từng dịch chuyển đến Nam Phi vào năm 1993 để dấn thân vào cuộc bầu cử dân chủ lịch sử đầu tiên với tư cách là một trong những nhà tổ chức nòng cốt của Quỹ Bầu cử Tự do.

Hiện nay, chi nhánh này quy tụ một cộng đồng đức tin với gần 1.000 tín đồ. Điều đặc biệt làm nên bản sắc của SGI-SA chính là sự đa dạng sắc tộc, với đại đa số thành viên là người Nam Phi da đen, da màu (chủng tộc hỗn hợp) và người gốc Ấn Độ/Châu Á. Tổng bản doanh quốc gia của SGI-SA được đặt trang nghiêm tại Johannesburg, thiết lập thế chân kiềng vững chãi cùng các phân hội năng động tại các tỉnh Western Cape, KwaZulu-Natal và Mpumalanga.

Mạch đập tâm linh của SGI-SA được duy trì bền bỉ qua các thời khóa hành trì cốt lõi như trì tụng, cần hành gongyō, tư duy Gosho và hòa mình vào các buổi họp thảo luận ấm áp. Các hoạt động này được tổ chức linh hoạt từ không gian ấm cúng tại tư gia cho đến các đại hội trang nghiêm do phân khu và chi hội điều hành - nơi các bản tin cùng tài liệu giáo lý được trao chuyển tận tay các hành giả.

Không khép mình nơi chính điện, tổ chức này đã chủ động dấn thân, lan tỏa nhiều phong trào xã hội quy mô tại các trung tâm đô thị sầm uất. Tiêu biểu là các chiến dịch triển lãm truyền cảm hứng mạnh mẽ về bảo vệ môi trường như *“Hạt giống Thay đổi”* (2002), *“Hạt giống Hy vọng”* (2011); hay diễn đàn tôn vinh quyền con người mang tên *“Gandhi, King, Ikeda: Di sản Xây dựng Hòa bình”* (2004). Song song đó, chuỗi chương trình diễn thuyết *“Trò chuyện Hy vọng”* cũng trở thành điểm hẹn văn hóa đặc sắc với sự góp mặt của nhiều vị khách mời cấp cao đại diện cho tầng lớp trí thức đương đại.

Bằng đức tin kiên định và trái tim vị tha, những hành giả nòng cốt của SGI-SA đã mang ánh sáng tỉnh thức đến với các khu dân cư nghèo ở đô thị (township). Điển hình là chương trình nghệ thuật "Origami cho Châu Phi" - một nhịp cầu yêu thương được kiến tạo đặc biệt dành riêng cho các em học sinh tại vùng Westbank, Cape Town. Sự gắn kết xã hội sâu sắc này, kết hợp cùng việc tích cực dự phần vào các ngày lễ quốc gia lớn, đã mở ra những cánh cửa nhân duyên mầu nhiệm, giúp SGI-SA gieo duyên Phật pháp đến với hàng vạn tâm hồn người Nam Phi da đen, da màu và gốc Ấn Độ/Châu Á.

Phật Quang Sơn Nam Hoa Tự, Nam Phi

Tọa lạc kiêu hãnh tại vùng đất Cao Hùng thuộc miền Nam Đài Loan, Phật Quang Sơn được khai sơn lập tự vào năm 1967 bởi Đại sư Tinh Vân (1927-2023) - một trong những bậc cao tăng lỗi lạc, vị đại minh sư có tầm ảnh hưởng sâu rộng bậc nhất trong lịch sử Phật giáo thế kỷ XX. Nơi đây không chỉ là thánh địa tu học quy mô nhất Đài Loan mà còn là một biểu tượng du lịch văn hóa tâm linh lừng lẫy khắp năm châu. Từ đại tổng sơn khổng lồ này, dòng pháp mạch Phật Quang hiện đang lan tỏa qua khoảng 300 đạo tràng trên toàn thế giới, quy tụ hàng triệu tín đồ cùng đoàn thể tăng già thanh tịnh lên đến 1.300 vị tăng ni.

Phật Quang Sơn chính là hiện thân rực rỡ của lý tưởng "Phật giáo Nhân gian" (人間佛教) - một dòng chảy tân kỳ của Phật giáo hiện đại, kế thừa từ công trình cải cách vĩ đại của Đại sư Thái Hư (1889–1947) và Pháp sư Ấn Thuận (1906-2005) thời Trung Hoa Dân Quốc. Tư tưởng cốt lõi này chủ trương đưa giáo lý Phật đà hòa nhập vào mạch sống thường nhật, lấy con người làm trung tâm, khích lệ các hành giả hướng tầm mắt về thế giới hiện hữu và dấn thân phụng sự xã hội.



Phật Quang Sơn Nam Hoa Tự, Nam Phi. Ảnh: Internet

Dưới tuệ giác của Đại sư Tinh Vân, Phật pháp là sự dung hợp tài tình giữa dòng thiền tịch tĩnh và tinh hoa Tịnh Độ tông. Ông tha thiết nhấn mạnh sứ mệnh

“kiến tạo Tịnh Độ ngay giữa cõi nhân gian” thông qua hành động nhập thế quả cảm của cả hai giới xuất gia và tại gia. Tại đây, việc thực hành thiền định không còn là sự trốn tránh cuộc đời, mà phải được *“hòa quyện vào từng hơi thở của đời sống thường nhật, có như vậy, công phu tu tập mới thực sự hiển lộ giá trị thực tiễn”* (Chandler Citation2004, 45-46, 78-117).

Sứ mệnh của Phật Quang Sơn (佛光山) dẫn suối nguồn từ bi, toả ánh mặt trời trí tuệ Phật pháp đến mảnh đất Nam Phi chính thức bắt đầu vào đầu thập niên 1990. Bước ngoặt lịch sử này được đánh dấu bằng một nhân duyên hy hữu, khi chính quyền thành phố Bronkhorstspruit (gần Pretoria) quyết định hiến tặng một quỹ đất bao la cho giáo đoàn, nhằm kiến tạo một nhịp cầu văn hóa thu hút các nguồn lực đầu tư kinh doanh từ Đài Loan. Nhằm thiết lập bộ máy điều phối toàn diện cho các phân hội đang nở rộ khắp Nam Phi - từ Johannesburg, Cape Town, Durban cho đến Bloemfontein, Ladybrand và Newcastle - một trụ sở sở tại đã nhanh chóng được tạo dựng vào năm 1993.

Tinh hoa của dòng pháp mạch này chính thức kết tinh vào năm 2005 với sự khánh thành của Phật Quang Sơn Nam Hoa Tự (Nan Hua Temple). Tọa lạc tại Bronkhorstspruit và cách thủ đô Pretoria khoảng 50 km, Nam Hoa Tự không chỉ là học viện Phật giáo quy mô nhất châu Phi mà còn là tổng hành dinh của toàn bộ châu lục do Đại sư Tinh Vân sáng lập. Ngôi đại tự hiện lên như một khu phức hợp kiến trúc Á Đông nguy nga và tráng lệ giữa lòng lục địa đen. Trong không gian tâm linh tôn nghiêm ấy, tòa Đại Hùng Bảo Điện uy nghi đứng làm trung tâm, vây quanh bởi các điện thờ Bồ Tát Quán Thế Âm cứu khổ cứu nạn và Bồ Tát Địa Tạng Vương bao dung, mở ra một cõi tịnh độ hiện tiền cho muôn vàn lữ khách tâm linh.

Công trình kiến trúc tâm linh vĩ đại này chính thức đặt viên đá khởi công đầu tiên vào tháng 10 năm 1992. Tiến trình kiến tạo được hiện thực hóa theo lộ trình nghiêm cẩn: mở đầu bằng việc dựng xây tòa Đại Hùng Bảo Điện nguy nga, tiếp đến là sự ra đời của hệ thống Giảng đường và Thiền đường tịch tĩnh. Dự án xây dựng ngôi đại già lam tự viện này đã mở ra cơ hội sinh kế cho đông đảo cư dân bản địa. Với tổng kinh phí ước tính lên đến 6 triệu USD, công trình trở thành một cú hích kinh tế mạnh mẽ, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc giữa bối cảnh tỷ lệ thất nghiệp của cộng đồng người Nam Phi da đen thời điểm bấy giờ đang vượt ngưỡng 50%. Toàn bộ nguồn tịnh tài và hiện vật quý giá phục vụ cho đại công trình đều kết tinh từ sự cúng dường thành kính của Tăng đoàn Phật Quang Sơn cùng cộng đồng Phật tử Đài Loan đang sinh sống tại Nam Phi.

Khi ngôi phạm vũ hoàn thành, Trưởng lão Hòa thượng Tinh Vân cùng Giáo hội đã suy cử Pháp sư Huệ Lễ (Hwei Li) - vị tăng sĩ Đài Loan đầy bản lĩnh, người đã

dấn thân thực hiện sứ mệnh hoằng truyền Phật pháp tại lục địa đen từ năm 1992 - chính thức thăng tòa Phương trượng Trụ trì đời đầu tiên của Phật Quang Sơn Nam Hoa Tự. Hộ trì cho ngài trong việc điều hành tổ chức là một giáo đoàn nhỏ gồm các tăng ni lưu trú tại chùa (gồm bảy sư cô và bốn sư thầy).

Về phía cư sĩ, hầu hết trong số khoảng 1.000 thành viên nòng cốt đều quy tụ dưới ngọn cờ của "Hiệp hội Quốc tế Phật Quang" (BLIA) cánh tay nối dài của Phật Quang Sơn tại gia. Đây là tổ chức đã vinh dự được Liên Hợp Quốc công nhận là tổ chức phi chính phủ (NGO) vào năm 2003. Khảo sát về mặt nhân chủng học tôn giáo, cộng đồng Phật Quang Sơn tại Nam Phi mang đậm tính chất sắc tộc đặc thù, khi người nhập cư Đài Loan và Trung Quốc đại lục chiếm đến 95% nguồn nhân lực (theo nguồn tin nội bộ) và cũng là những thí chủ hộ pháp đóng góp phần lớn tài lực cho đạo tràng. Bên cạnh khối đại chúng Hoa ngữ ấy, một bộ phận nhỏ người Nam Phi bản địa và các thành viên quốc tế cũng đang tích cực dự phần vào các hoạt động phụng sự của BLIA, dệt nên một bức tranh đa văn hóa hài hòa dưới ánh sáng Phật pháp.

Đời sống tâm linh tại đại tổng sơn Phật Quang Sơn Nam Phi luôn tràn đầy năng lượng tỉnh thức với các thời khóa hành trì nghiêm cẩn diễn ra hàng ngày. Tại Điện thờ Phổ Hiền bên trong trụ sở chính, thanh âm trầm hùng của các thời kinh bằng tiếng Trung Hoa ngân vang đều đặn mỗi ngày. Vào các ngày Chủ nhật, không gian đạo tràng lại chuyển dịch sang các "Pháp hội" đại chúng trang nghiêm tại Điện thờ Quán Thế Âm. Giòng pháp âm này tập trung hướng về các bộ kinh điển đại thừa sâu sắc như Kinh A Di Đà và Kinh Kim Cương, đan xen cùng các bài tán kệ ngắn và mật ngữ niệm Phật nhất tâm. Song hành cùng dòng chảy Tịnh Độ của đại chúng, công phu thiền định chính niệm (Thiền tông/Chan meditation) vẫn được các tăng ni lặng lẽ thâm canh trong không gian độc cư tự tại của riêng mình.

Không chỉ đóng khung trong chốn thiền lâm, nguồn năng lượng tịch tĩnh ấy còn được lan tỏa rộng rãi đến cộng đồng qua các khóa tu thiền từ cấp độ căn bản đến trung cấp. Được tổ chức quy mô tại chùa chính cùng hệ thống chi nhánh phụ, các khóa tu này luôn sở hữu sức hút mãnh liệt đối với những lữ khách tâm linh đương đại, đến mức các suất tham dự thường xuyên rơi vào tình trạng "cháy vé" và được đăng ký lấp đầy trước cả nhiều tháng trời.

Dưới bóng mát của đại già lam, tứ chúng Phật giáo - gồm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-di và Ưu-bà-tắc - đã cùng nhau kiến tạo nên vô vàn công hạnh xã hội ý nghĩa. Các chương trình nhập thế này được hộ trì mạnh mẽ bởi nguồn tài lực phát tâm tại chỗ, và trong những duyên sự đặc thù, là sự tiếp sức kịp thời từ tổng sơn Đài Loan.

Tiêu biểu cho tinh thần khai phóng trí tuệ là "Lớp học Máy tính Học viện Nam Hoa" được khai mạc từ năm 2010. Dự án đã xây dựng một lộ trình đào tạo chuyên sâu kéo dài ba tháng, chuẩn bị hành trang cho học viên bước vào kỳ thi trực tuyến quốc tế của Microsoft thông qua hệ thống khảo thí Pearson VUE. Nhờ phương thức giám sát từ xa (online proctored) đầy linh hoạt, các thí sinh có thể tự tin làm bài ngay tại nhà hoặc công sở mà không cần dịch chuyển đến các trung tâm khảo thí tập trung. Cho đến nay, chương trình đã trao tấm bằng tốt nghiệp đổi đời cho hàng nghìn học viên, mà đại đa số là con em vùng nông thôn nghèo thuộc tỉnh Gauteng - vùng đất tuy có diện tích khiêm tốn nhất nhưng lại là đầu tàu kinh tế, nơi quần cư đông đúc bậc nhất Nam Phi.

Bên cạnh ánh sáng công nghệ, vườn hoa nghệ thuật cũng đua nở với "Nhóm biểu diễn nghệ thuật" ra đời vào năm 2013. Tại đây, các thiếu nữ bản địa được tưới tẩm văn hóa qua các vũ điệu truyền thống Trung Hoa hòa quyện cùng vũ điệu Châu Phi vũ bão, kết hợp tài tình cùng nghệ thuật đánh trống và ca hát. Không dừng lại ở đó, kể từ năm 2014, Nam Hoa Tự đã khai mở một Nhóm Hướng đạo, quy tụ hàng trăm trẻ em đến từ các khu dân cư nghèo (townships). Tổ chức cũng liên tục đẩy mạnh chiến dịch tặng xe lăn tình thương, và gần đây nhất là chương trình chăm sóc trẻ sau giờ học đầy ấm áp tại một trường học lân cận.

Sự giao thoa mầu nhiệm giữa kết nối cộng đồng và giao lưu văn hóa du lịch còn được thể hiện rực rỡ qua Đại lễ Tết Nguyên Đán - một ngày hội văn hóa đại chúng thu hút hàng vạn lữ khách trần gian dự phần. Cùng với đó là các nghi lễ cầu an cho trẻ sơ sinh được tổ chức trang nghiêm, mở rộng vòng tay từ bi gia hộ cho cả những gia đình không thuộc cộng đồng đức tin, gieo những hạt mầm duyên lành đầu tiên vào tâm thức nhân sinh.

Phật giáo Đông Á tại Nam Phi và sáu chủ đề của Clasquin-Johnson

Ba nghiên cứu tình huống trên đã hiển lộ bức tranh sống động về mối tương tác lưỡng hợp giữa Phật giáo và lòng xã hội Nam Phi thời hậu Apartheid - một quốc gia đã rũ bùn đứng dậy sau năm 1994 để chuyển mình thành một nền dân chủ đa sắc tộc với nền tảng pháp lý bình đẳng. Dẫu vậy, vùng đất này vẫn đang ngày đêm vật lộn với những di chứng lịch sử sâu sắc: từ hố sâu bất bình đẳng kinh tế, bóng ma phân biệt chủng tộc mang tính cấu trúc, cho đến những thách thức cam go trong quản trị quốc gia. Đáng chú ý, biên độ tác động của ba phong trào này đã vượt xa khỏi giới hạn chật hẹp của khái niệm *"Phật giáo Nam Phi chính lưu"* mà học giả Clasquin-Johnson từng khu biệt. Chính vì thế, việc

định vị và soi chiếu tầm đóng góp từ khung phân tích của ông vào hệ giá trị đối sánh giữa Trung tâm Dharma, SGI-SA và Phật Quang Sơn đã trở thành một địa hạt học thuật vô cùng hấp dẫn. Trong những tiểu mục tiếp theo, luận án sẽ đi sâu vào việc bóc tách tính tương thích của sáu chủ đề cốt lõi do ông đề xuất đối với thực tiễn sinh động của ba tổ chức tôn giáo này.

Nhấn mạnh vào thực hành Phật giáo tại gia

Khi mổ xẻ sáu chủ đề phát triển của Phật giáo Nam Phi, Clasquin-Johnson (1999, 93) đã khẳng định chủ đề đầu tiên - chú trọng vào sự tu tập của cư sĩ tại gia - đóng vai trò then chốt quyết định định mệnh của tôn giáo này. Trung tâm Dharma chính là một tấm gương phản chiếu rõ nét luận điểm ấy, bởi toàn bộ hệ thống hoạt động tại đây đều vận hành dựa trên công phu thiền định và trì tụng của một cộng đồng cư sĩ, dưới sự dẫn dắt của một vị thiền sư tại gia.

Hệ hình tu tập của hàng cư sĩ cũng giữ vị trí tối thượng trong việc định hình bản sắc tâm linh của SGI, đặc biệt là sau biến cố tổ chức này bị Nhật Liên Chính Tông (Nichiren Shōshū) trục xuất vào năm 1991 do những xung đột gay gắt về quyền lực tôn giáo. Minh chứng cho vết rạn lịch sử này là tập tài liệu tổng hợp mang tựa đề *“Vấn đề giáo hội Nhật Liên Chính Tông tại Nam Phi”* (SGI South Africa 2009) hiện vẫn được SGI-SA lưu hành trong danh mục học tập của các thành viên, nơi giáo đoàn xuất gia của Nhật Liên Chính Tông phải đối mặt với những chỉ trích sắc bén.

Trong khi đó, vai trò của người tại gia tại Phật Quang Sơn cũng bộc lộ một sức mạnh không thể phủ nhận, kết tinh qua các công hạnh nhập thế xã hội của Hiệp hội Phật Quang Quốc tế (BLIA) tại khắp các phân hội địa phương. Dẫu vậy, nếu đặt lên bàn cân đối sánh, cấu trúc quyền lực cốt lõi và linh hồn của đời sống nghi lễ tại Phật Quang Sơn vẫn đặt trọn vào vai trò lãnh đạo của vị trụ trì cùng một giáo đoàn tăng ni tinh hoa đến từ Đài Loan.

Đánh giá phê phán về vai trò của nữ giới

Ở chủ đề tiếp theo, Clasquin-Johnson (Citation1999, 94) lập luận rằng, dẫu vấn đề bình đẳng giới ít khi được đẩy lên thành tâm điểm nghị sự, tính thực tế của nó vẫn âm thầm soi chiếu qua các cuộc đối thoại nội bộ và sự trỗi dậy của một số nữ hành giả trong hàng ngũ hoằng pháp tiên phong.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Trung tâm Dharma phần lớn đã bảo chứng cho quan sát này. Vị minh sư chèo lái trung tâm là một nữ thiền sư đầy bản lĩnh - người từng dự phần vào việc soạn thảo các bộ luật mới năm 2006 về kết hợp dân sự, đồng thời được Hiến pháp thừa nhận tư cách chủ trì hôn lễ cho cả các cặp đôi dị tính lẫn đồng giới. Tuy nhiên, ngoại trừ điểm sáng mang tính tiên phong ấy, ý thức về giới chủ yếu vẫn bị khuất lấp phía sau các thời khóa thực hành nghiêm cẩn. Thực tế cho thấy, phần lớn các giảng sư và thành viên ban điều hành tại đây vẫn là nam giới, phản ánh một thực trạng cố hữu rằng lực lượng tu học cốt cán vẫn chịu sự áp đảo của nam quyền.

Đối chiếu sang Phật Quang Sơn Nam Phi, tổ chức này lại vận hành theo một mô hình đặc trưng vốn đã định hình rõ nét tại Đài Loan và quốc tế (Chandler Citation2004, 83–85): đại đa số hàng ngũ xuất gia lưu trú tại đây là chư ni. Họ chính là những người gánh vác chiếc trục then chốt trong bộ máy quản trị, dẫu ngôi đại tự này luôn được đặt dưới sự thống lãnh của các vị trụ trì tăng. Song song đó, chư vị thiện nữ cư sĩ cũng nắm giữ nhiều vị trí tổng quản thượng tầng trong Hiệp hội Quốc tế Phật Quang (BLIA).

Trong khi đó, tại SGI-SA, nữ giới lại cấu thành nên đại bộ phận đức tin đại chúng một đặc trưng mang tính hệ thống của mạng lưới SGI toàn cầu. Không chỉ vị Tổng giám đốc đương nhiệm là một nữ luật sư kiên cường, mà tâm điểm truyền thông của tổ chức cũng liên tục hướng vào việc nâng cao vị thế cho phụ nữ Nam Phi, kết tinh từ cam kết chống phân biệt đối xử thiêng liêng trong Hiến chương SGI. Dẫu vậy, lý tưởng giải phóng này lại vấp phải một nghịch lý nội tại

khi hệ thống vận hành vẫn duy trì sự phân công lao động nghiêm ngặt theo giới tính. Việc chia tách cơ cấu thành các bộ phận biệt lập dành cho nam giới, nữ giới, nam thanh niên và nữ thanh niên đã vô hình trung bảo lưu các định kiến giới bám rễ sâu dày trong dòng chảy văn hóa truyền thống Nhật Bản.

Áp dụng các nguyên tắc dân chủ

1. TS. Michel Clasquin-Johnson - nhà học giả Phật học hàng đầu tại lục địa đen (Citation1999, 95) - nhận định rằng chủ đề này giữ vai trò then chốt trong tiến trình định hình diện mạo Phật giáo Nam Phi. Minh chứng rõ nét nhất nằm ở mạng lưới các ủy ban tự quản rộng khắp. Cơ chế vận hành nội tại này soi chiếu tường tận qua trường hợp của Trung tâm Pháp bảo. Tại đây, đại hội thường niên và Ủy ban điều hành trở thành diễn đàn mở, nơi mỗi thành viên đều có thể cất lên tiếng nói của mình. Dẫu vậy, Clasquin-Johnson (Citation1999, 95) cũng vạch rõ một thực tế trong dòng mạch Phật giáo đại chúng Nam Phi: quyền lực tối hậu đôi khi vẫn thuộc về những hành giả khai sơn phá thạch - mà Heila Downey là một điển hình trong việc dẫn dắt các phương thức thực hành tâm linh. Dù vậy, các chi nhánh địa phương của Trung tâm Pháp bảo vẫn được hít thở bầu không khí tự quyết tự chủ rất lớn, miễn là cốt tủy của sự tu học không bị lay chuyển. Lẽ tất nhiên, các nguyên tắc dân chủ hành chính này sẽ tạm thời nhường chỗ cho sự im lặng tuyệt đối trong các khóa thiền định sâu - nơi mọi cử chỉ và hơi thở đều đặt dưới sự giám sát nghiêm cẩn của các bậc Thiền sư.

Phật Quang Sơn tại Nam Phi soi chiếu trọn vẹn cấu trúc thứ bậc nghiêm cẩn từ giáo hội mẹ (Laliberté Citation2005, 67-74), nơi hàng ngũ tăng già nắm giữ quyền uy lãnh đạo và bao quát toàn bộ dòng chảy hoạt động của Hiệp hội Phật quang Quốc tế (BLIA). Dẫu vậy, trước thực tế nhân duyên khi bóng áo nâu sồng còn thưa thớt tại lục địa này, gánh nặng Phật sự tại các phân hội địa phương lại được trao gửi vào bàn tay của những cư sĩ tại gia thuộc BLIA. Chính họ đang trở thành những cánh tay nối dài, gìn giữ ngọn đèn Chính pháp nơi đất khách.

Tương tự như bức tranh chung của toàn hệ thống (Dobbelaere Citation2006, 108; Welsch Citation2018, 35-36), Hiệp hội Phật giáo Soka Gakkai Quốc tế tại Nam Phi (SGI-SA) luôn mang một diện mạo lưỡng hợp đầy suy ngẫm. Ở bề nổi, phương thức tu học phi tập trung theo từng nhóm nhỏ dễ tạo nên cảm giác về một tổ chức bình đẳng theo chiều ngang. Thế nhưng, ẩn sau lớp vỏ ấy, tổ chức giáo dân Phật giáo lớn nhất hành tinh này vẫn vận hành theo một cấu trúc thứ bậc nghiêm cẩn, phản ánh trọn vẹn đặc trưng của một phong trào tôn giáo mới dưới bóng dáng vị thủ lĩnh đầy uy tín – cố triết gia, nhà giáo dục Daisaku Ikeda (1928-2023). Dù được hít thở một không gian tự chủ nhất định, chi nhánh Nam

Phi vẫn đặt dưới tầm mắt giám sát nghiêm ngặt từ tổng bản doanh Nhật Bản và bộ chỉ huy khu vực. Quyền lực can thiệp từ trung ương sẵn sàng siết chặt các lăng kính tự do của thành viên, ngay cả trong việc khước từ quyền tình nguyện tham gia vào các cuộc phỏng vấn học thuật. Minh chứng sống động nhất cho sự ổn định quyền lực mang tính tháp nhọn này chính là chiếc ghế Tổng giám đốc đương nhiệm, người đã tại vị bền vững suốt từ năm 2001 đến nay.

Nhân duyên với tâm lý học phương Tây

Tại Trung tâm Pháp bảo, xu hướng "*tâm lý học hóa*" Phật giáo dường như không tìm được chỗ đứng trong tư duy của các nhà lãnh đạo. Dù sợi dây liên kết giữa thiền định với các trạng thái tâm lý và tinh thần vẫn hiển hiện ở một vài thành viên, song không ít hành giả lại bày tỏ sự quan ngại trước làn sóng *"Tây phương hóa"* đang biến giáo lý thành một liệu pháp tâm lý thông thường. Họ vạch ra một lằn ranh học thuật lẫn thực hành rõ rệt: trong khi tâm lý học chỉ dừng lại ở việc *"làm dịu đi những nỗi khổ niềm đau"* vây hãm con người, thì thiền định lại mang sứ mệnh cao cả hơn - "kiếm tìm lời giải cho những câu hỏi lớn lao của kiếp nhân sinh". Tương tự, làn sóng tâm lý học hóa này hầu như không thể thẩm thấu vào cấu trúc của Phật Quang Sơn hay Hiệp hội Phật giáo Soka Gakkai Quốc tế tại Nam Phi (SGI-SA).

Tại những không gian tâm linh này, các tín hữu được định hướng bám trụ sâu sắc vào những lăng kính diễn giải chính thống, bảo toàn trọn vẹn di sản giáo lý mà tổ chức hằng thúc đẩy.

Khái niệm về Phật giáo gắn kết xã hội

Qua lăng kính quan sát của Clasquin-Johnson (Trích dẫn 1999, 95-96), ngọn lửa dấn thân xã hội của Phật giáo Nam Phi dường như tĩnh lặng hơn nhiều so với phong trào nhập thế tại phương Tây. Thực tế lịch sử soi chiếu rằng, Trung tâm Pháp bảo vào những năm 1990 từng sở hữu một tinh thần nhập thế mạnh mẽ hơn hẳn diện mạo hiện thời. Thuở ấy, các nhà lãnh đạo và hành giả đã cùng bước ra đời sống, dấn thân làm giám sát viên cho Ủy ban Bầu cử Quốc tế trong chương đầu của nền dân chủ, hay tự nguyện trở thành cố vấn nâng đỡ tinh thần cho các phiên điều trần của Ủy ban Sự thật và Hòa giải (Wratten Trích dẫn 2000, 458-459). Họ thậm chí đã gieo mầm hy vọng vào chốn ngục tù Western Cape thông qua chương trình *"Chính niệm Tỉnh thức trong Hành động"* (MAIA) nhằm xoa dịu tâm thức phạm nhân - dẫu dự án này phải khép lại sau vài năm ngắn ngủi. Giờ đây, vị Thiền sư cùng các đồng đạo vẫn tiếp tục hành trình phụng sự ấy, nhưng dưới danh nghĩa của những cánh chim tự do nhân bản, thay vì nhân danh một cương vị chính thức từ Trung tâm Pháp bảo.

Tiếp bước hành trình nhập thế, Phật Quang Sơn cũng từng gieo duyên lành vào chốn ngục tù từ năm 1996 qua các lớp thiền định, tư vấn tâm lý và trao tặng sách; dẫu vậy, dự án đầy tính nhân văn này phải khép lại vào năm 2015 trước thực tế thiếu hụt hàng ngũ giáo thọ sư. Tuy nhiên, nhất quán với tôn chỉ bất biến của một nền *"Phật giáo Nhân gian"*, Phật Quang Sơn chưa từng dừng bước trên hành trình dấn thân xã hội và kiến tạo giáo dục. Tâm nguyện ấy được cụ thể hóa bằng một hệ sinh thái hoạt động đa dạng: từ Lớp học Máy tính của Học viện Nam Hoa, Nhóm Biểu diễn Nghệ thuật, Nhóm Hướng đạo Nam Hoa cho đến các chương trình thiện nguyện rộng khắp. Nơi các chi nhánh địa phương, mạch đập từ bi vẫn luôn tuôn chảy qua những hành động thiết thực của các tình nguyện viên thuộc Hiệp hội Phật quang Quốc tế (BLIA) - từ việc trao tặng xe lăn, chăn ấm, tiền mặt cho người yếu thế, đến việc âm thầm phổ cập tri thức công nghệ cho cộng đồng bản địa.

Việc tạo dựng một truyền thống phi giáo phái

Theo lập luận của Clasquin-Johnson (Trích dẫn 1999, 96), tinh thần liên phái từng một thời nở rộ vào thập niên 1970, song đến nay đã không còn duy trì được sức ảnh hưởng vốn có. Trung tâm Pháp bảo từng là một mắt xích tích cực trong các nỗ lực kết nối liên tông phái cho đến đầu những năm 2000 - thời điểm mà làn sóng hoài nghi trỗi dậy, khi nhà lãnh đạo của các truyền thống khác bày tỏ nỗi lo sợ về nguy cơ làm "ô nhiễm" phương pháp tu tập đặc thù của họ. Dù mối thâm giao giữa trung tâm với các cộng đồng Phật tử khác tại Nam Phi vẫn giữ được sự hài hòa, nhưng Trung tâm Pháp bảo hiện thời không còn mặn mà với các hoạt động trao đổi giáo lý, cũng như từ bỏ ý định kiến tạo một thực thể chung kiểu như *"Liên đoàn Phật giáo Nam Phi"*. Tình cảnh *"ốc đảo tâm linh"* này cũng được tìm thấy tại Phật Quang Sơn và SGI-SA. Cả hai tổ chức này không chỉ sở hữu ý thức bản sắc tông phái mãnh liệt, mà còn đặt định vị thế dựa trên những lăng kính diễn giải giáo lý mang tính *"chính thống độc quyền"* (cf. Chandler Trích dẫn 2004, 140; Reinke 2018; McLaughlin Trích dẫn 2018, 82, 93). Đặc biệt đối với SGI, xu hướng khép kín này vốn là di sản bén rễ từ khuynh hướng độc tôn mang tính bài ngoại của Phật giáo Nhật Liên (Nichiren Buddhism), kết hợp cùng âm hưởng của chiến dịch shakubuku (chiết phục) đầy quyết liệt thời kỳ hậu chiến.

Bốn chủ đề tiếp theo cho nghiên cứu so sánh Phật giáo Đông Á tại Nam Phi

Những phân đoạn dữ liệu thu hái từ hành trình điền dã tại Trung tâm Pháp bảo, SGI-SA và Phật Quang Sơn đã mở ra một tầm nhìn rộng lớn hơn, soi chiếu ít

nhất bốn chủ đề cốt lõi đầy hứa hẹn trong việc đặt nền móng cho các nghiên cứu so sánh về Phật giáo Đông Á trên mảnh đất Nam Phi. Đó là sự va chạm và giao thoa với các tín ngưỡng bản địa, là xung lực truyền giáo, là tiến trình lai tạp văn hóa đầy sống động, và sau cùng là lời hứa hẹn về những lợi ích hiện sinh nơi cõi trần thế. Đây chính là những mạch ngầm tư duy then chốt mà tôi sẽ cùng độc giả bóc tách và khám phá sâu sắc trong các phần phụ tiếp theo của công trình này.

Tương tác với các tôn giáo địa phương

Chiều kích đầu tiên trỗi dậy từ lòng dữ liệu điền dã chính là lăng kính tương tác giữa ba cộng đồng Phật giáo với các hệ tín ngưỡng bản địa. Ngược dòng lịch sử, Trung tâm Pháp bảo trong thuở bình minh từng kiến tạo nên những nhịp cầu đối thoại đầy ý nghĩa với các tín đồ Nhất vị giáo (Unitarians), Kitô giáo và Hồi giáo. Thế nhưng, dòng chảy kết nối ấy đến nay đã hoàn toàn ngưng lặng. Một phần nguyên do dường như xuất phát từ bức tường thờ ơ và lạnh nhạt đến từ phía các giáo hội bản xứ tại khu vực Robertson, khiến những nỗ lực hòa hợp thuở ban đầu dần rơi vào quên lãng.

Niềm xác tín sâu sắc của cố Đại sư Tinh Vân (1927-2023) - bậc cao tăng lỗi lạc, người thắp lên ngọn hải đăng Phật Quang Sơn và lý tưởng *“Phật giáo Nhân gian”* - rằng đạo Phật chính là “*biểu hiện thăng hoa nhất của đức tin tôn giáo”* (Chandler Trích dẫn 2004, 141-142), chưa từng trở thành rào cản ngăn bước giáo hội dự phần vào các Phật sự liên tôn giáo, dẫu đây không phải ưu tiên cốt lõi của họ tại Nam Phi. Những năm qua, tâm nguyện trải thảm đỏ đón mời các nhà lãnh đạo Kitô giáo ghé thăm Chùa Nam Hoa thường rơi vào khoảng lặng đơn độc, bởi các giáo hội chính lưu nơi đây dường như khước từ việc đối thoại với một cộng đồng đức tin thiểu số. Thế nhưng, dòng chảy giao thoa liên tôn giáo vẫn âm thầm tuôn chảy ‘trên thực địa’, lồng ghép vào các hoạt động phúc lợi thiết thực do nhà chùa cùng Hiệp hội Phật quang Quốc tế (BLIA) điều phối. Đáng buồn thay, sự bao dung ấy lại phải đối mặt với những làn sóng thù địch từ tư duy bài ngoại cực đoan. Từ bóng tối của chủ nghĩa dân tộc cực đoan Boeremag - thủ phạm gây ra vụ nổ bom rúng động tại Chùa Nam Hoa năm 2002 - cho đến những hành vi phá hoại nhỏ nhen thường nhật. Điển hình như vài năm trước, lối vào trang nghiêm của ngôi đại tự đã bị bôi bẩn bởi dòng chữ *“Tôi yêu Chúa”* khắc trên hàng cột trụ - một minh chứng nhức nhối cho sự xung đột tâm thức chưa hồi kết nơi đất khách.

Là một chi nhánh của cộng đồng Phật giáo Nhật Liên toàn cầu, SGI-SA hướng dòng chảy hành động vào các giá trị hòa bình, giáo dục và nhân văn thông qua các diễn đàn liên tôn giáo tại Pretoria và Cape Town. Thế nhưng, ẩn sau lớp vỏ

bọc đại chúng ấy, mạch đập của các hoạt động này thực chất đều phục vụ cho lý tưởng kōsen rufu (Quảng tuyên lưu bố) - tức công cuộc truyền bá đại lộ Kinh Pháp Hoa để tôn vinh giá trị con người (SGI Nam Phi Trích dẫn 2008, ix, 18, Trích dẫn 2009, 13–14). SGI-SA có thể khéo léo lập luận rằng họ chỉ đang lan tỏa "một quan điểm duy nhất về giá trị cuộc sống" chứ không phải một giáo điều tôn giáo cục bộ. Dẫu vậy, người ta vẫn nhận ra nền tảng của kōsen rufu vốn bám rễ sâu sắc vào một thiên kiến nghiêm cẩn: rằng các hệ đức tin khác hoàn toàn thiếu vắng "năng lực tương thấu để diễn dịch hạnh phúc cho nhân sinh". Hệ quả tất yếu là tinh thần độc tôn ấy đã tự dựng lên một giới hạn vô hình, làm thu hẹp biên độ tác động của họ khi dự phần vào thế giới liên tôn giáo.

Truyền đạo

Xét trên phương diện hoằng pháp, tệp tín hữu gia nhập Trung tâm Pháp bảo phần lớn định hình từ tầng lớp trung lưu da trắng - những người xem thiền định là công cụ phục vụ cho nhu cầu tiến hóa tâm linh cá nhân. Các khóa thiền định dành cho công chúng chính là kênh truyền thông tự nhiên giúp trung tâm mở rộng biên độ ảnh hưởng của Phật giáo. Dẫu vậy, một chiến lược thích ứng độc đáo đã diễn ra: Thiền phái Tào Khê của Hàn Quốc tại đây được chủ động giới thiệu dưới danh nghĩa một phong cách sống thời thượng thay vì một tôn giáo tôn nghiêm. Bằng cách phi tôn giáo hóa này, họ vừa tránh được các xung đột đức tin trực diện với các hệ tư tưởng bản địa, vừa cởi bỏ áp lực cải đạo cho những ai muốn trải nghiệm giáo lý.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Thuở ban đầu, dấu ấn hoằng pháp của Phật Quang Sơn tại Nam Phi mang tầm vóc của một chiến dịch truyền giáo quy mô với nguồn bệ đỡ tài chính hùng hậu. Tâm điểm của hành trình này chính là Học viện Phật giáo Châu Phi - nơi từng dang rộng vòng tay đón nhận hàng trăm tăng sinh mang hoài bão xuất gia từ khắp các nẻo đường lục địa đen. Dẫu qua màng lọc khắt khe của giới luật, cuối cùng chỉ có hai hành giả trong số ngót nghét 300 vị Sa di được chính thức thọ giới cụ túc, song sợi dây duyên lành giữa họ với chốn thiền môn vẫn chưa từng đứt đoạn. Kể từ khi học viện khép lại cánh cửa vào năm 2010, Phật Quang Sơn đã chọn cho mình một lối đi thầm lặng và kín tiếng hơn. Ánh sáng Phật pháp giờ đây được khéo léo lồng ghép vào các hoạt động cộng đồng dung dị từ việc gieo mầm 'triết lý' sống đến việc hướng dẫn thiền định cho các học viên tại Học viện Nam Hoa hay Nhóm Biểu diễn Nghệ thuật. Dẫu vậy, nếu nhìn nhận một cách khách quan, biên độ ảnh hưởng của giáo hội bên ngoài khối cộng đồng di dân Đài Loan - Trung Hoa Dân Quốc cho đến nay vẫn là một khoảng lặng khá khiêm nhường.

Một cam kết dấn thân mạnh mẽ và quyết liệt hơn trên hành trình lan tỏa ánh sáng Phật pháp tại Nam Phi được tìm thấy rõ nét ở trường hợp của SGI-SA. Ngay từ những bình minh đầu tiên của kỷ nguyên hậu Apartheid, tổ chức này đã liên tục phát động các chiến dịch quy mô nhằm mở rộng hàng ngũ tín hữu. Mỗi buổi sinh hoạt hay cuộc họp của SGI-SA đều thấm đẫm tinh thần hoằng pháp, nơi lý tưởng *“kōsen-rufu (Quảng tuyên lưu bố) vì một Châu Phi”* luôn được xướng lên đầy kiêu hãnh song hành cùng những câu chuyện chuyển hóa tâm linh sau cải đạo. Sứ mệnh shakubuku (chiết phục) được họ triển khai bền bỉ thông qua mạng lưới thân quen hoặc lồng ghép vào các hoạt động hướng về đại chúng. Chiến dịch này nhận được sự bệ đỡ vững chắc từ mạng lưới *“gõ cửa viếng thăm”* nhằm thắt chặt sợi dây tâm giao với các thành viên mới, phối hợp nhịp nhàng cùng bộ cẩm nang nhập môn chuyên sâu. Nhờ vào một phương thức tu tập tối giản, không tốn kém cả về thời gian lẫn tiền bạc - thông qua việc trì niệm câu daimoku (Đề mục) - kết hợp cùng ngọn lửa nhiệt huyết của những hành giả tận tụy dấn thân vào các vùng đất nghèo khó, SGI-SA đã tạo nên một kỳ tích hoằng pháp mà các nhóm Phật giáo khác chưa thể chạm tới. Họ đã thành công vang dội trong việc tiếp cận khối cộng đồng người Nam Phi da đen, và sau đó là người da màu lẫn gốc Ấn, giúp các sắc tộc này vươn lên chiếm giữ tới một nửa tổng số thành viên của giáo hội hiện thời.

Sự lai hóa

Cuộc đối thoại về tương lai của Phật giáo Nam Phi luôn xoay quanh câu hỏi cốt tử của Clasquin-Johnson: Liệu tôn giáo này có thể tự dung hòa để cắm rễ sâu xa

vào lòng đất mẹ Châu Phi? Dưới lăng kính của ông, với bản chất là một thực thể chịu ảnh hưởng sâu sắc từ làn sóng Phật giáo phương Tây, các giáo hội hiện thời mới chỉ đưa ra vài nhượng bộ hời hợt bên ngoài đối với nền văn hóa bản địa (Clasquin Trích dẫn 2002, 161). Khảo sát Trung tâm Pháp bảo, người ta dễ dàng nhận thấy sự lưỡng lự này. Cặp đôi hành giả Heila và Rodney Downey thấu hiểu rằng Thiền tông Nam Phi cần phải chuyển mình và tiến hóa trong tương lai; song ở thì hiện tại, ưu tiên tối hậu của họ là đóng băng giáo lý trong chiếc khuôn truyền thống cổ xưa. Họ muốn chuẩn bị một nền móng kiên cố trước khi chuyển giao quyền lực cho thế hệ kế thừa tự do nhào nặn nó theo bản sắc Nam Phi. Do đó, ngoài những biến tấu mang tính kỹ thuật xoa dịu đám đông như trong dự án MAIA, cốt tủy Thiền Sŏn của dòng phái Quan Âm vẫn được giữ nguyên bản, không hề lai tạp. Tuy nhiên, mạch ngầm cải cách vẫn đang âm thầm trỗi dậy từ các phân hội địa phương. Trái với sự bảo thủ từ trung ương, một số giáo thọ cấp cơ sở đã chủ động đưa vào những canh tân tinh tế - như việc giảm thiểu các nghi thức tụng niệm và từ bỏ chiếc áo cà sa truyền thống để thiền sinh dễ bề tiếp cận tâm linh.

Cấu trúc nhân sự của Phật Quang Sơn phản ánh sự thiếu vắng hoàn toàn các tu sĩ hay cư sĩ BLIA gốc Nam Phi có khả năng đảm nhiệm vai trò giảng sư giáo pháp. Những bước đi hướng tới sự hội nhập văn hóa của giáo hội vẫn còn rất dè dặt, giới hạn ở việc trang trí không gian tự viện bằng những nét chạm khắc châu Phi hay mở các khóa tu thích ứng cho công chúng (đối chiếu Reinke Citation2020, 5, 11). Ý nguyện vĩ mô của Đại sư Tinh Vân về việc trao quyền quản trị giáo hội châu Phi cho giới lãnh đạo bản địa đã vấp phải thực tế trái ngược: Phật Quang Sơn tại đây không *“bản địa hóa”* mà lại cố thủ trong định vị của một chiếc cầu nối hoài niệm dẫn về không gian văn hóa Trung Hoa (Chandler Citation2004, 293, 300).

Dẫu vậy, sự lai hợp văn hóa vẫn tìm thấy mảnh đất thích nghi sống động trong tâm thức của từng cá nhân hành giả. Trường hợp của Bokang - một thanh niên da đen - là một minh chứng độc đáo khi anh dung hợp hoàn hảo mạch đập của Giáo hội Độc lập Châu Phi với triết lý Phật giáo. Niềm xác tín của anh rằng Đức Kitô từng tiếp nhận tư tưởng Phật đà, cùng sự tương đồng giữa thuyết tái sinh và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên châu Phi, đã dệt nên một bức tranh tâm linh đa sắc. Tương tự, hành giả Enzokuhle với căn tính Hồi giáo kiên định, vẫn không từ bỏ thói quen thiền định vào mỗi bình minh của tháng đại lễ Ramadan. Đối với anh, Phật giáo không thay thế đức tin cũ mà là lăng kính mở rộng, giúp anh thấu suốt rằng mọi tôn giáo cốt lõi đều là cuộc hành trình hướng nội để tìm kiếm sự an nhiên và hạnh phúc hiện sinh.

Những nỗ lực nhằm gắn kết SGI với dòng chảy văn hóa Nam Phi thường được định vị dựa trên giáo lý "tùy thuận phong tục địa phương" (隨方毘尼, zuihō bini) - nguyên tắc linh hoạt điều chỉnh các quy định phụ, nghi thức hoặc lối sống sao cho phù hợp với văn hóa, tập tục và pháp luật của từng vùng miền, quốc gia, miễn là không đi ngược lại những giáo lý và giới luật căn bản của Phật giáo. Hệ tư tưởng này cho phép hành giả tự do hòa mình vào các phong tục bản xứ, miễn là chúng không xâm phạm đến phẩm giá và tính thiêng liêng vốn có của quyền sống (SGI South Africa Citation2008, 115). Dẫu vậy, ngoại trừ một vài nét chấm phá mỏng manh - như việc thổi giai điệu châu Phi vào các bài tán tụng Phật giáo - nguyên tắc này hầu như chỉ dừng lại ở tầng nấc khẩu hiệu. Nhìn vào mạch kết nối ấy, người ta dễ dàng liên tưởng đến lời tuyên ngôn đầy hùng tâm của vị thủ lĩnh Daisaku Ikeda: *"Thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của châu Phi"*. Qua lăng kính đó, Phật giáo SGI được kiến hiệu như một xung lực then chốt, mang sứ mệnh chuyển hóa một châu Phi oằn mình trong đau khổ thành một *"Lục địa Hạnh phúc"*, với phát súng mở màn chính là Nam Phi (SGI South Africa Citation2010).

Song hành cùng đại nguyện này là chiến lược đồng hóa di sản vĩ đại của Nelson Mandela (1918-2013). Tổ chức đã khéo léo vạch ra một đường lối tương thông giữa *"ý thức sâu sắc về sứ mệnh cùng lời nguyện ước sắt đá"* của bậc vĩ nhân với hành trình dấn thân thực hành hạnh Bồ tát (Ikeda Citation2014, 5). Việc SGI-SA can dự vào Ủy ban Liên tôn giáo tại Công viên Tự do ở Pretoria - đài tưởng niệm thiêng liêng vinh danh những anh hùng ngã xuống vì tự do - chính là một nước đi chiến lược nhằm lồng ghép căn tính của giáo hội vào lòng lịch sử mới thời hậu Apartheid.

Thế nhưng, vượt lên trên các kiến trúc thượng tầng của tổ chức, mạch ngầm lai hợp tôn giáo đích thực vẫn âm thầm đơm hoa nơi thế giới nội tâm của từng hành giả. Điển hình như Likuwe, người đã tìm ra sợi dây dung hợp giữa tín ngưỡng đa thần truyền thống với Nhật Liên tông bằng cách mượn những lời cầu nguyện thầm lặng ở cuối thời lễ gongyō (công phu) để dâng lòng tôn kính hướng về anh linh tổ tiên châu Phi. Hay như Lesedi, một nữ nghệ sĩ kể chuyện da đen, người xác tín rằng việc trì niệm câu daimoku (đề mục) nắm giữ chiếc chìa khóa khai phóng năng lực sáng tạo. Đối với cô, chính nhờ dòng năng lượng từ câu đề mục mà những khúc ca linh thiêng tìm đến cô trong giấc mộng mới có thể lập tức thức tỉnh, hiển hiện trọn vẹn trong không gian biểu diễn đời thực.

Lời hứa về những lợi ích vật chất

Một chủ đề hệ trọng khác xoay quanh chiều kích mà ba hình thái Phật giáo Đông Á được các hành giả nhìn nhận như phương thức tiếp cận chuỗi lợi ích thế

gian - những giá trị có thể đồng quy hoặc tách rời khỏi mục tiêu tối hậu là sự thức tỉnh tâm linh. Nhiều thành viên tại Trung tâm Pháp bảo chia sẻ rằng, món quà lớn nhất họ nhận được từ việc tu tập chính là tìm lại nốt lặng cân bằng trong cuộc sống. Sự dung hợp này từng được minh chứng sinh động qua trường hợp của Steve Jobs, người xem thiền định (đặc biệt là chính niệm) không chỉ là liệu pháp thư giãn đơn thuần, mà còn là công cụ cốt lõi để làm chậm lại tâm trí, thăng hoa trực giác và khơi nguồn sáng tạo. Thiền định quả thực giúp hành giả định tâm; và như cách giáo thọ Thiền học người Mỹ David Robert Loy từng kiến giải khi bắc nhịp cầu kết nối triết học Tây phương và Phật giáo Nhật Bản, nó cho phép con người đứng vững, *"không bị cuốn vào những vụn vặt tầm thường"* làm đảo lộn đời sống thường nhật.

Lăng kính thực tế này soi chiếu rõ nét qua tâm thức của từng hành giả tại trung tâm. Jack, dẫu hướng tâm bám trụ vào cốt tủy của sự *"buông bỏ bản ngã"*, vẫn tự thân thừa nhận rằng thiền tập giúp *"nới rộng không gian nội tâm"* và mang lại những chuyển biến tích cực về thể trạng. Với Louis, việc tham thiền khán thoại theo truyền thống Tào Khê Triều Tiên không chỉ cởi bỏ các rào cản căng thẳng, lo âu và sân hận, mà còn mang đến một sự tái tạo mạnh mẽ về thể chất. Ông không mặn mà với Phật giáo dưới danh nghĩa một hệ thống giáo điều hay luân lý, song anh xác tín rằng *"giá trị xã hội thực thực chất nằm ở cách ta ứng xử với vạn vật xung quanh"*. Dẫu vậy, các hàm ý đạo đức - vốn là định hướng nhất quán của Trung tâm Pháp bảo - vẫn tìm thấy lối về trong trải nghiệm của Steve khi ông tâm sự: *"Tôi đang học cách khơi dậy lòng từ bi trong chính mình"*, hay Emily, người đã chứng kiến bước ngoặt lớn lao trong những phán đoán giá trị của kiếp nhân sinh.

Trong cộng đồng Phật tử Đài Loan tại Phật Quang Sơn, khái niệm lợi ích thế gian được định hình như những phước lành cổ truyền nhận lãnh từ chư Phật và Bồ tát, bệ đỡ tạo nên cảm giác an ổn trong đời sống viễn xứ. Bản sắc tâm linh này soi chiếu rực rỡ qua mảng nghi lễ tang đạo và tưởng niệm do chư tăng ni chủ trì. Những khóa lễ này mang lại sự xoa dịu tối hậu cho tang quyến nhờ vào cơ chế tích lũy và chuyển dịch công đức sang cho vong linh người quá cố. Tuy nhiên, căn tính Hoa kiều không đóng khung động cơ trong việc cầu an hẹp hòi; qua lăng kính của Lin và May, việc thực hành Phật pháp còn là hành trình gặt hái niềm vui từ việc *"phụng sự nhân sinh"* và kiếm tìm đáp án cho những nghi vấn lập lặn về quy luật tử sinh.

Ngược lại, đối với khối thành viên bản địa Nam Phi, thiền định lại được tiếp cận như một liệu pháp chuyển hóa tâm lý thực dụng. Trải nghiệm của Jaco khẳng định thiền định là công cụ để *"thanh lọc trí não và duy trì sự định tĩnh"*, trong khi Sifiso coi đây là vũ khí để hóa giải các hội chứng của thời đại như *"khủng*

hoảng, áp lực và trầm cảm". Trên cùng một mạch chuyển hóa, hành giả Rosalie xác tín rằng sự dấn thân tôn giáo này không chỉ khai phóng tư duy giúp cô chạm vào chân lý tuyệt đối của đạo Phật, mà còn kích hoạt một nguồn năng lượng sống dồi dào, mang lại cho cô lăng kính thấu suốt để phân định mọi biến động của trần gian.

Đúng như căn tính tiêu biểu của hệ thống toàn cầu, tại SGI-SA, việc thực hành Phật giáo Nhật Liên luôn được tôn vinh như một tiến trình tự khai phóng và kiến tạo quyền năng cho bản thân. Diễn ngôn về một "*tiềm năng vô hạn và vĩ đại*" ẩn tàng trong mỗi tạo sinh (SGI South Africa Citation2008, 69) liên tục được khơi dậy trong mọi ấn phẩm lẫn các diễn đàn sinh hoạt chính thức. Chiều kích này soi chiếu sống động qua những chương đời của các tín hữu - những người vốn tìm đến SGI vào đúng những khúc quanh khủng hoảng nhất của số phận. Minh chứng như John, anh khẳng định: *"Nhờ có Phật giáo Nhật Liên, tôi đã xoay chuyển hoàn toàn bánh lái và định hướng của cuộc đời mình, khơi dậy trọn vẹn nguồn năng lượng nội tại sâu kín nhất"*. Đồng điệu với dòng trải nghiệm ấy, Leah bộc bạch rằng chính hành trình trì niệm đã tiếp thêm dũng khí để cô chiến thắng *"những nỗi sợ hãi cùng điểm yếu cố hữu"* của bản thân.

Tiến trình tự kiến tạo quyền năng này vô hình trung trở thành chiếc chìa khóa mở ra cánh cửa cứu rỗi xã hội, đặc biệt đối với các thành viên sinh trưởng từ những vùng đất chịu nhiều tổn thương và thiệt thòi. Đó là câu chuyện của Elijah, người đã trục vớt cuộc đời mình ra khỏi vũng lầy nghiện rượu và tái cấu trúc hoàn toàn điều kiện sinh kế thông qua sự bệ đỡ của SGI-SA. Ý chí sắt đá được tôi luyện từ kỷ luật tâm linh ấy cũng đặt nền móng vững chãi cho đạo đức nghề nghiệp - giá trị vốn luôn được giới lãnh đạo SGI-SA ra sức cổ vũ. Điều này hiển hiện sắc nét qua lời chứng thực của Amahle; cô tuyên bố rằng nhờ tinh thần kỷ luật và lòng chính trực trong công việc - những phẩm chất được hun đúc qua từng thời khắc trì tụng - cô đã chinh phục được niềm tin của cấp trên và trở thành một trong số ít nhân sự trụ lại kiên cường sau cơn bão tái cơ cấu của tập đoàn. Đối với đại đa số thành viên, cuộc cách mạng tâm thức ấy luôn song hành với những quả ngọt hiện sinh khác, từ việc hàn gắn các rạn nứt gia đình cho đến sự phục hồi kỳ diệu của sức khỏe thể chất.

Kết luận

Ba trường hợp nghiên cứu trên đã phác họa một bức tranh đa diện, phơi bày những đường nét dị biệt không chỉ trong lòng giáo lý, phương thức hành trì hay cấu trúc và quy mô tổ chức, mà còn nằm ở căn tính nhân khẩu học của hàng ngũ cư sĩ Phật tử, các tín đồ. Bản đồ thành viên của Trung tâm Pháp bảo ghi nhận sự hiện diện áp đảo của khối cư dân Nam Phi da trắng thuộc tầng lớp

trung lưu. Trong khi đó, rường cột của Phật Quang Sơn phần lớn lại được định hình bởi dòng người di cư đến từ Đài Loan (Trung Hoa Dân Quốc). Dẫu vậy, sẽ là một sự quy chụp thiếu chuẩn xác nếu vội vã xếp giáo hội này vào hình thái Phật giáo "sắc tộc" hẹp hòi - theo nghĩa một tôn giáo mang tính "truyền thống cục bộ" hay thứ "hành lý văn hóa" thuần túy. Bởi lẽ, tổ chức này sở hữu một tư duy tiếp cận vô cùng hiện đại, bằng chứng là làn sóng nhập lưu mạnh mẽ của các thành viên đến từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ngay trên mảnh đất Nam Phi (đối chiếu Reinke Citation2020). Sau cùng, SGI-SA hiện lên như một thực thể dấn thân đầy xung lực, vận hành quanh trục sứ mệnh hoằng pháp chủ động, nơi quy tụ đại khối người Nam Phi cải đạo bên cạnh một bộ phận thiểu số hành giả người Nhật Bản và quốc tế.

Bất chấp những ranh giới khác biệt, cả ba giáo hội đều cùng bám rễ sâu sắc vào mảnh đất của Chủ nghĩa hiện đại Phật giáo. Đây là trào lưu cải cách mang tính bước ngoặt khởi phát từ châu Á thế kỷ XIX, như một phản ứng tự vệ và thích ứng trước sức ép từ tính hiện đại phương Tây.

Khái quát hóa xu hướng này, học giới nhận định rằng nó mang các đặc trưng căn cốt như đặt niềm tin vào lý tính, khoa học, đạo đức, thực hành thiền định chuyên sâu, giải phóng sức sáng tạo, thúc đẩy tinh thần nhập thế phụng sự và nâng cao vị thế của giới cư sĩ cùng nữ giới (McMahan Citation2012, 173). Cách thức các truyền thống Phật giáo tiếp nhận những giá trị này có thể bất đồng, nhưng nền tảng tư duy tân thời chung ấy chính là câu trả lời căn bản nhất cho những điểm giao thoa và đồng điệu kỳ diệu giữa ba mô hình nghiên cứu đã được minh chứng ở trên.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Điểm tương đồng đầu tiên giữa các mô hình khảo cứu nằm ở chiến lược đẩy mạnh vị thế của khối cư sĩ tại gia. Nếu như Trung tâm Pháp bảo và SGI-SA chọn đây làm trục vận hành cốt lõi, thì Phật Quang Sơn lại có phần dè dặt hơn do cấu trúc tháp quyền lực của hàng tăng già nắm giữ.

Hình thái Phật giáo tập trung vào giới cư sĩ này tỏ ra tương thích tuyệt đối với bối cảnh Nam Phi. Tại đây, giới luật phạm hạnh độc thân của tăng sĩ giáo hội truyền thống hoàn toàn lạc lõng trước căn tính văn hóa bản địa và chịu sự chèn ép mạnh mẽ từ dòng mạch đạo Tin Lành chính lưu.

Tọa độ giao thoa thứ hai chính là sự hoán đổi căn bản trong tư duy về vai trò của nữ giới - một chỉ dấu không thể tranh cãi của chủ nghĩa hiện đại tôn giáo. Xu thế bình đẳng giới đã thẩm thấu sâu sắc vào cấu trúc của cả ba nhóm, thể hiện qua việc giới nữ lưu trực tiếp nắm giữ bánh lái điều hành tại Trung tâm Pháp bảo và SGI-SA, cũng như vai trò rường cột của các sư cô và nữ cư sĩ tại Phật Quang Sơn. Mặc dù mô hình tiến bộ này là chiếc phao cứu sinh lý tưởng thu hút phụ nữ Nam Phi thoát khỏi hệ thống gia trưởng kiên cố, thực tế vẫn phơi bày những nghịch lý nội tại. Tiêu biểu là xu hướng phân hóa lao động theo giới tính tại SGI-SA, hay định kiến thâm căn tại Phật Quang Sơn khi vị trí tối cao luôn mặc định dành cho nam giới và Học viện Phật giáo Châu Phi hoàn toàn khước từ tăng sinh nữ.

Dẫu vậy, mẫu số chung đanh thép nhất chính là lời hứa hẹn về phúc lợi và lợi ích chốn hồng trần, minh chứng cho xu hướng nhập thế mãnh liệt của Phật giáo tân thời (McMahan Citation2012, 173). Bất chấp quy mô nhỏ bé của các tổ chức, nghiên cứu này khẳng định rằng mô hình cung ứng tâm linh đa diện này - từ công cụ tự cường, bứt phá số phận cho đến việc cải thiện trạng thái sinh học cơ thể - đều có thừa năng lực để giải mã và đáp ứng trọn vẹn nhu cầu của cả giới trung lưu lẫn tầng lớp yếu thế bần hàn tại Nam Phi.

Hơn thế nữa, bài toán so sánh phơi bày ba hằng số đồng điệu giữa ba tổ chức nằm ngoài tầm giải thích của lý thuyết Phật giáo hiện đại: tính thuần khiết cao (ít lai tạp), sự từ chối mô hình phi tông phái, và khoảng cách cô lập đối với đức tin bản địa.

Tiến trình lai hợp văn hóa diễn ra mờ nhạt xuất phát từ sự tương tác của ba nhân tố: sự đóng băng trong một kỹ thuật tu tập duy nhất, sự dị biệt quá lớn giữa hai nền văn minh Đông - Phi, và độ lùi thời gian còn quá non trẻ của Phật giáo tại đây. Căn tính tông phái cực đoan của SGI-SA và Phật Quang Sơn chính là pháo đài ngăn chặn ý tưởng về một liên minh Phật giáo đại đồng, đồng thời hạn chế tối đa việc tiếp xúc với các tín ngưỡng sở tại - một mối quan hệ vốn dĩ đã bị đóng băng bởi thái độ phòng vệ từ các tôn giáo Tin Lành, Kitô chính lưu.

Người ta từng giả định rằng Trung tâm Pháp bảo sẽ là mảnh đất màu mỡ để các liệu pháp tâm lý học phương Tây lên ngôi, nhưng thực tế chứng minh điều ngược lại. Bằng việc kiên định bám trụ vào cốt tủy Thiền học Tào Khê, trung tâm đã khước từ làn sóng thế tục hóa này. Sự cự tuyệt ấy cũng diễn ra nhất quán tại Phật Quang Sơn và SGI-SA, nơi hệ thống quản trị tháp nhọn kiên cố đã triệt tiêu hoàn toàn mọi không gian dung dưỡng cho những tư duy lạc điệu hay phi chính thống về Phật pháp.

Ở một lăng kính đối lập, tồn tại ba chiều kích dị biệt sâu sắc, vạch ra một lằn ranh phân cực giữa Trung tâm Pháp bảo và hai thực thể còn lại. Trước hết, cấu trúc tháp quyền lực nghiêm cẩn của SGI-SA và Phật Quang Sơn đã kéo theo một thực tế rằng việc thực thi các nguyên tắc dân chủ của họ - một chủ đề cực kỳ nhạy cảm tại Nam Phi do vết thương nhức nhối từ di sản phân biệt chủng tộc Apartheid - lại mờ nhạt hơn nhiều so với không gian khai phóng tại Trung tâm Pháp bảo.

Tọa độ rạn nứt thứ hai nằm ở chiến lược cải đạo và truyền giáo. Đây là một phương diện đầy gai góc, không chỉ bởi một tỷ lệ áp đảo người dân Nam Phi (khoảng 74%) luôn đặt định niềm tin sắt đá vào tôn giáo dòng chính (chủ yếu là đạo Tin Lành) (Schoeman Citation2017, 2), mà còn vì ký ức đen tối của làn sóng tôn giáo thực dân trong quá khứ. Trong khi Trung tâm Pháp bảo từ chối đặt nặng việc lôi kéo tín đồ, thì hoạt động này lại mang tính sống còn đối với Phật Quang Sơn và thậm chí vươn lên thành sứ mệnh cốt tử của SGI-SA, như một phần trong xung lực truyền giáo toàn cầu của họ.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Sau cùng, Trung tâm Pháp bảo tách mình khỏi hai giáo hội còn lại trên trục tọa độ dấn thân nhập thế. Như đã minh chứng, dẫu Thiền sư Heila Downey từng can dự vào các hoạt động xã hội từ thuở ban đầu, việc phụng sự nhân sinh chưa từng là ưu tiên của Trung tâm Pháp bảo. Đặc tính này hoàn toàn trùng khớp với những quan sát sắc sảo của Darrel Wratten (cựu giảng viên Đại học Cape Town) về sự trầm lắng của phong trào Phật giáo Dấn thân tại Nam Phi. Dẫu vậy, thực tế ấy chỉ có thể giải mã một phần dựa trên "căn tính nhân khẩu học của một cộng đồng Phật giáo nhỏ bé, mang gốc gác da trắng thuộc giới trung lưu bảo thủ" (Wratten Citation2000, 462), bởi lẽ không ít hành giả vẫn âm thầm dấn

thân phụng sự bên ngoài khuôn khổ giáo hội. Ngược lại, SGI-SA và đặc biệt là Phật Quang Sơn lại không ngừng kích hoạt chuỗi hoạt động phúc lợi hướng về những mảnh đời lam lũ, dựa trên nhãn quan tân thời xem Phật giáo là công cụ cải biến xã hội và là bệ phóng cho chiến lược hoằng pháp.

Tựu trung lại, sáu chủ đề cốt lõi mà Clasquin-Johnson từng nhấn mạnh phần lớn đều hiển hiện sống động tại Trung tâm Pháp bảo, ngoại trừ sự thẩm thấu có phần mờ nhạt của tâm lý học Tây phương. Đồng thời, hai trong số các chiều kích ấy – việc đề cao vai trò cư sĩ và ngọn cờ bình đẳng giới - cũng kết nối mật thiết với căn tính của SGI-SA lẫn Phật Quang Sơn, như một phần di sản không thể tách rời của kỷ nguyên Phật giáo hiện đại.

Cuộc đối chiếu vĩ mô này mang lại câu trả lời xác đáng về định vị của Phật giáo Đông Á tại Nam Phi trong mạng lưới tôn giáo toàn cầu. Bản phân tích khẳng định các truyền thống Phật giáo Đông Á chính là những "tác nhân chuyển dịch toàn cầu" đích thực (Dessì Citation2013, 83-97), có thừa khả năng hóa giải các rào cản về "địa lý và văn hóa" theo lý thuyết của Thomas Csordas. Sức mạnh viễn trình này được kích hoạt qua bốn mũi nhọn: chiến lược truyền giáo chủ động của SGI-SA, làn sóng di cư Hoa kiều của Phật Quang Sơn, hành trình dấn thân cá nhân đưa Thiền học Tào Khê của Trung tâm Pháp bảo hội nhập, và công cụ truyền thông hóa giúp phổ cập tư tưởng Phật đà vào giới trung lưu bản địa. Tuy nhiên, lăng kính thực tế lại phơi bày một nghịch lý: dù sở hữu các "kỹ thuật thực hành có tính dịch chuyển linh hoạt" (Csordas Citation2007, 261) như thiền tập hay tụng niệm, tầm phủ sóng của ba định chế này tại Nam Phi vẫn còn vô cùng mỏng manh. Con số khiêm tốn từ 2.000 đến 3.000 tín đồ đứng trước tổng quy mô đại chúng 59 triệu dân đã chứng minh rằng, hành trình bản địa hóa và thích ứng tâm linh của đạo Phật tại lục địa đen vẫn là một bài toán dài kỳ chưa có lời giải kết thúc.

Hệ quả mang tính bắc cầu của nghiên cứu là cuộc chất vấn: Liệu chủ nghĩa hiện đại Phật giáo toàn cầu - thực thể nổi tiếng với *“năng lực thích ứng vạn năng”* (McMahan Citation2009, 18-21) - có thể đóng vai trò như một tác nhân lai hóa tại Nam Phi? Câu trả lời từ ba mô hình điền dã cho thấy một thực trạng trái ngược: các chiến lược thích nghi văn hóa hoặc bị đóng băng hoàn toàn tại Trung tâm Pháp bảo, hoặc chỉ hiển hiện một cách dè dặt tại SGI-SA và Phật Quang Sơn.

Chiếu theo lý thuyết tôn giáo toàn cầu hóa (Dessì Citation2017), hiện tượng này lột trần thái độ phòng vệ của các giáo hội trước việc để các “biến thể” bản địa can thiệp vào hai phân khu cốt tử: một là *“chuỗi giá trị phúc lợi”* (thế tục hoặc siêu việt) phân phối cho tín đồ; hai là *“cơ chế chính thống hóa”* - tháp thẩm

quyền định vị cách thức kết nối các phúc lợi này với gốc rễ Chính pháp thông qua hệ thống kinh điển và nghi lễ (Dessì Citation2017, 29-34).

Bất luận rào cản này xuất phát từ tâm lý sợ hoen ố giáo lý, tư duy tập quyền của bộ máy trị sự, bản sắc tông phái cực đoan, khát vọng thủ cựu để bảo toàn căn tính, hay sự bế tắc trong chuyển ngữ văn hóa, kết cục vẫn không đổi: sau gần 40 năm cắm rễ tại Nam Phi, véc-tơ toàn cầu hóa của Phật giáo Đông Á vẫn là đường thẳng một chiều. Tổ chức lựa chọn sự đồng nhất hóa văn hóa thay vì thỏa hiệp với trào lưu lai tạp hay *"bản địa hóa toàn cầu"* (glocalization). Sức sống của sự canh tân tôn giáo, nếu có, không nằm ở thượng tầng giáo hội mà ẩn mình trong trải nghiệm hiện sinh của từng cá nhân hành giả. Dẫu vậy, tương lai vẫn là một ẩn số để phân định xem các biểu hiện đơn lẻ này có thể kích hoạt một tiến trình *"Nam Phi hóa"* thực chất cho đạo Phật Đông Á tại lục địa đen hay không.

Lời chân thành tri ân

Công trình nghiên cứu này vinh hạnh nhận được nguồn bệ đỡ tài chính từ chương trình nghiên cứu và đổi mới sáng tạo Horizon 2020 của Liên minh Châu Âu, thuộc khuôn khổ Học bổng Marie Skłodowska-Curie (thỏa thuận tài trợ số 793853).

Tôi xin được gửi lời tri ân sâu sắc nhất đến Giáo sư Max Deeg vì sự bảo trợ và nâng đỡ vô giá của ông trong suốt thời gian tôi lưu trú tại Khoa Lịch sử, Khảo cổ và Tôn giáo thuộc Đại học Cardiff (2018-2020). Tôi cũng xin chân thành cảm ơn Khoa Nghiên cứu Tôn giáo cùng toàn thể đồng nghiệp tại Đại học Cape Town đã tử tế rộng mở đón tiếp tôi với tư cách Cộng tác viên Nghiên cứu Danh dự (2014-2020) và Phó Giáo sư Danh dự (từ năm 2021) trong một không gian học thuật đầy xung lực sống động.

Tôi muốn gửi lòng biết ơn đến Giáo sư Michel Clasquin-Johnson vì những phản hồi học thuật vô giá của ông đối với các phân đoạn của bản thảo; cảm ơn các học giả thuộc Hiệp hội Nghiên cứu Tôn giáo tại Miền Nam Châu Phi (ASRSA) vì những góp ý quý báu cho phác thảo đầu tiên của bài báo khi được trình bày tại hội nghị Pretoria (Đại học Nam Phi) năm 2019; và chân thành cảm ơn Giáo sư Elisabetta Porcu cùng các nhà phản biện giấu tên của Tạp chí Tôn giáo Đương đại (Journal of Contemporary Religion) vì những gợi mở sâu sắc.

Sau cùng, lòng biết ơn chân thành nhất xin được trao gửi đến ông bà Heila và Rodney Downey cùng Andy Ropes (Trung tâm Pháp bảo); bà Francesca Romana Perazzelli, Andrea Gaffé, Kayo Fusejima, Kyoko Kimura, Mary Butlin, và Cecil

Plaatjies (SGI-SA); song hành cùng chư Đại đức Thích Tuệ Phương (Ven. Huifang), Thích Diệu Long (Ven. Miaolung), và thầy Sipho Segubudy (Phật Quang Sơn) đã từ tâm tạo mọi duyên lành thuận lợi cho tôi trong suốt hành trình nghiên cứu điền dã chốn thực địa.

Đôi nét về tác giả

Ugo Dessì hiện giữ vị trí Giáo sư Nghiên cứu FWF tại Khoa Nghiên cứu Tôn giáo, Đại học Vienna (Áo), song hành cùng học vị Phó Giáo sư Danh dự tại Đại học Cape Town (Nam Phi). Các ấn phẩm nổi bật của ông về sự tác động qua lại giữa tôn giáo Nhật Bản và động lực toàn cầu bao gồm Japanese Religions and Globalization (2013) và The Global Repositioning of Japanese Religions: An Integrated Approach (2017). Cuốn sách mới nhất của ông mang tựa đề Religioni e globalizzazione: un'introduzione (2019) đã phác họa một cái nhìn phê phán và giới thiệu toàn diện về bộ môn nghiên cứu so sánh tôn giáo dưới lăng kính toàn cầu hóa.

Tài liệu tham khảo:

Baumann, Martin. 2001. "Global Buddhism: Developmental Periods, Regional Histories, and a New Analytical Perspective." Journal of Global Buddhism 2: 1–43.

Chandler, Stuart. 2004. Establishing a Pure Land on Earth: The Foguang Buddhist Perspective on Modernization and Globalization. Honolulu: University of Hawai'i Press.

Clarke, Peter B. 2000. "'Success' and 'Failure': Japanese New Religions Abroad." In Japanese New Religions: In Global Perspective, edited by Peter B. Clarke, 272–311. Richmond: Curzon Press.

Clasquin, Michel. 1999. "Transplanting Buddhism: An Investigation into the Spread of Buddhism, with Reference to Buddhism in South Africa." PhD diss., University of South Africa.

Clasquin, Michel. 2002. "Buddhism in South Africa." In Westward Dharma: Buddhism beyond Asia, edited by Charles S. Prebish and Martin Baumann, 152–162. Berkeley, CA: University of California Press.

Clasquin-Johnson, Michel. 2017. "Buddhism in Africa." In The Oxford Handbook of Contemporary Buddhism, edited by Michael Jerrison, 349–365. Oxford:

Oxford University Press.

Clasquin, Michel, and Kobus Krüger, eds. 1999. Buddhism and Africa. Pretoria: University of South Africa Press.

Csordas, Thomas J. 2007. “Introduction: Modalities of Transnational Transcendence.” Anthropological Theory 7 (3): 259-272.

Dessì, Ugo. 2013. Japanese Religions and Globalization. London: Routledge.

(Open in a new window)Google Scholar

Dessì, Ugo. 2017. The Global Repositioning of Japanese Religions: An Integrated Approach. London: Routledge.

Dessì, Ugo. 2020. “Soka Gakkai International in Post-Apartheid South Africa.” Religions 11 (11), 598. Accessed 7 September 2022. https://doi.org/10.3390/rel11110598

Dobbelaere, Karel. 2006. “Soka Gakkai in a Globalized World.” The Journal of Oriental Studies 16: 105-112.

Hickey, Wakoh S. 2010. “Two Buddhisms, Three Buddhisms, and Racism.” Journal of Global Buddhism 11: 1-25.

Ikeda, Daisaku. 2014. “Value Creation for Global Change: Building Resilient and Sustainable Societies (2014 Peace Proposal).” Accessed 20 May 2020. https://www.sgi.org/content/files/about-us/president-ikedas-proposals/peaceproposal2014.pdf(open in a new window)

Jang, Eun-hwa. 2014. “An Investigation of Seung Sahn’s Seon: ‘Don’t Know’ Mind, Ten Gates, and Systems of Hierarchy and Authorization.” Korea Journal 54 (4): 29-51.

View

Kwan Um School of Zen. 2018. “About Us.” Accessed 20 May 2020. https://kwanumzen.org/about(open in a new window)

Laliberté, André. 2005. “‘Buddhist for the Human Realm’ and Taiwanese Democracy.” In Religious Organizations and Democracy in Contemporary Asia, edited by Tung-ren Cheng and Deborah Brown, 55-82. Armonk, NY: M. E. Sharpe.

McLaughlin, Levi. 2018. Sōka Gakkai's Human Revolution: The Rise of a Mimetic Nation in Modern Japan. Honolulu: University of Hawai'i Press.

McMahan, David L. 2009. The Making of Buddhist Modernism. Oxford: Oxford University Press.

View

McMahan, David L. 2012. "Buddhist Modernism." In Buddhism in the Modern World, edited by David L. McMahan, 159-176. London: Routledge.

View

Métraux, Daniel A. 2010. How Soka Gakkai became a Global Buddhist Movement: Internationalization of a Global Buddhist Movement. Lewiston, NY: Edwin Mellen Press.

Mitchell, Scott A. 2016. Buddhism in America: Global Religion, Local Contexts. London: Bloomsbury.

Mu, Soeng. 1998. "Korean Buddhism in America: A New Style of Zen." In The Faces of Buddhism in America, edited by Charles S. Prebish and Kenneth K. Tanaka, 117-128. Berkeley, CA: University of California Press.

Reinke, Jens. 2018. "Sacred Secularities: Ritual and Social Engagement in a Global Buddhist China." Religions 9 (11), 338. Accessed 7 September 2022. https://doi.org/10.3390/rel9110338.

Reinke, Jens. 2020. "The Buddha in Bronkhorstspruit: The Transnational Spread of the Taiwanese Buddhist Order Fo Guang Shan to South Africa." Contemporary Buddhism 21 (1-2): 15-32.

Ross, Catriona. 2018. "Is 'Kindfulness' the New Mindfulness?" Edgars Club (April): 65.

Schoeman, Willem J. 2017. "South African Religious Demography: The 2013 General Household Survey." HTS Teologiese Studies/Theological Studies 73 (2): 1-7.

SGI South Africa. 2008. First Steps: An Easy Day-by-Day Introduction to Nichiren Daishonin's Buddhism. 2nd edition (compilation). No place of publication: no publisher.

SGI South Africa. 2009. "The Nichiren Shoshu Priesthood Issue in South Africa: Questions and Answers" (compilation). No place of publication: no publisher.

SGI South Africa. 2010. Life to Life 51 (June).

SGI South Africa. 2012. Life to Life 57 (December/January).

The Dharma Centre. 2002. Chanting Book (compilation). No place of publication: no publisher.

Welsch, Denise. 2018. “Passing on the Law: The Growth of Soka Gakkai International in Argentina.” International Journal of Latin American Religions 2: 22-40.

View Wratten, Darrel. 1995. “Buddhism in South Africa: From Textual Imagination to Contextual Innovation.” PhD diss., University of Cape Town.

Wratten, Darrel. 2000. “Engaged Buddhism in South Africa.” In Engaged Buddhism in the West, edited by Christopher S. Queen, 446-467. Boston, MA: Wisdom Publications.

Tác giả: **Giáo sư Ugo Dessì/**Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: tandfonline.com

Link: https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/13537903.2022.2124684#d1e119